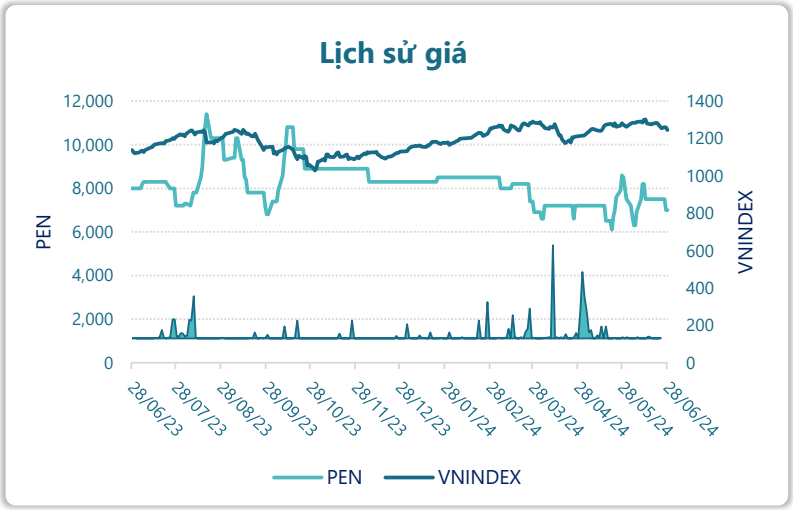
FireAnt

CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,100
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	275
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35
P/E	-5.7
EPS	-1,228

DT thuần

Q2/24

82.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.9| 271%

YoY: ▲ 49.0| 148%

LN sau thuế

Q2/24

3.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.52| 221%

YoY: ▲ 9.59| 146%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

5.2%

+/- YoY: ▲ 19.7%

DT thuần

6T 2024

104

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 136%

LN sau thuế

6T 2024

0.51

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.04| 108%

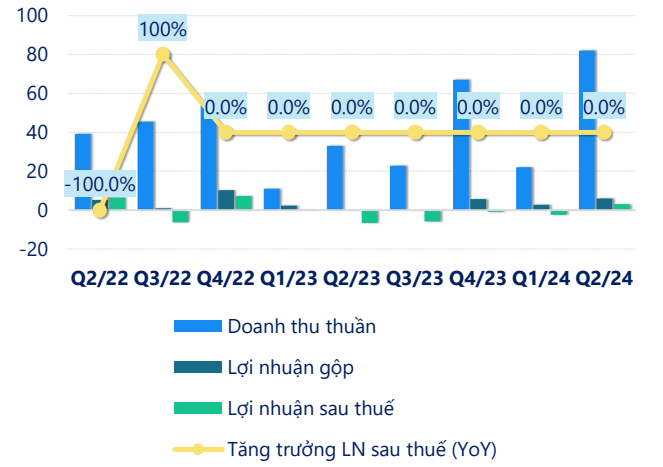
ROE

Q2/24

-10.0%

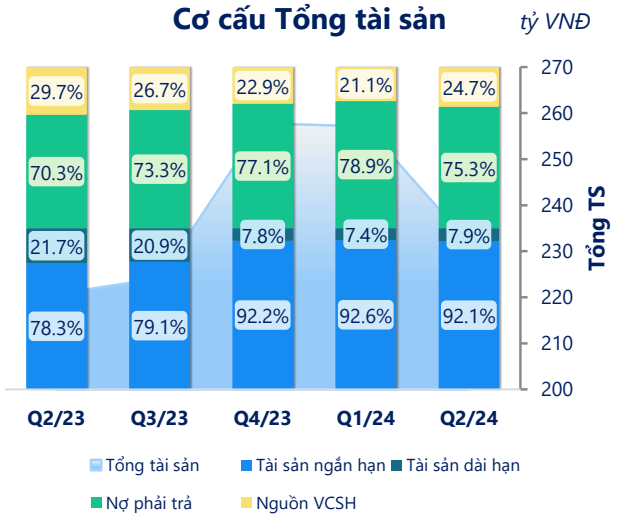
+/- YoY: ▼ 1.7%

Kết quả kinh doanh



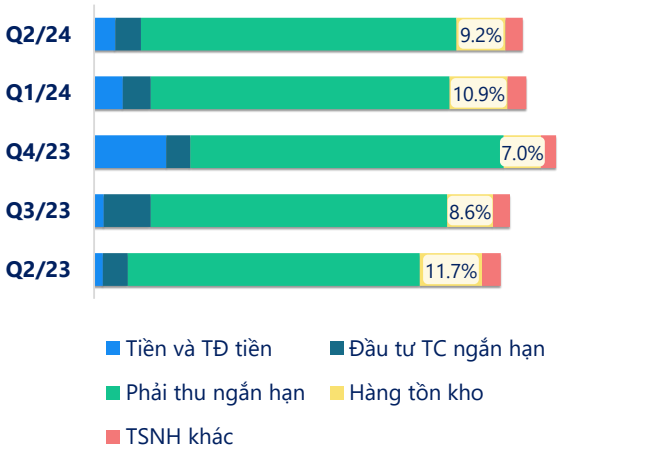
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



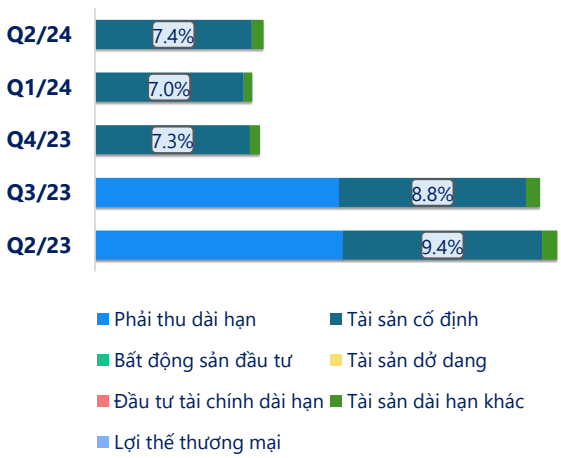
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



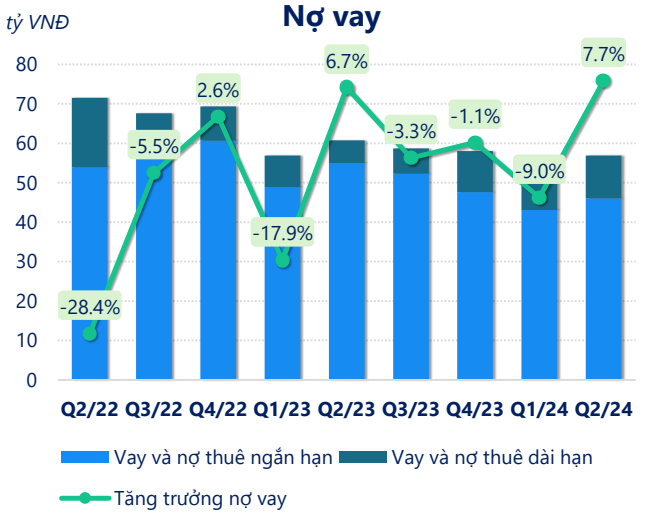
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



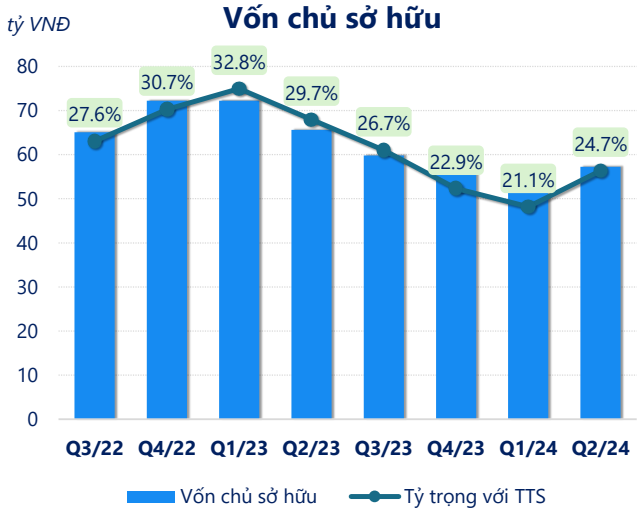
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



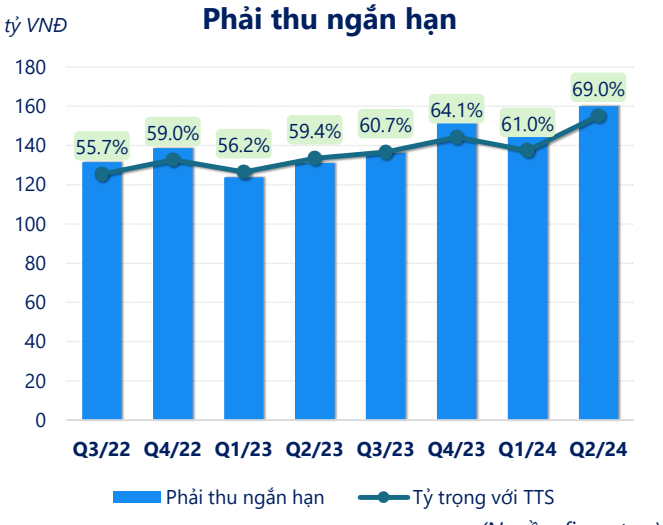
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



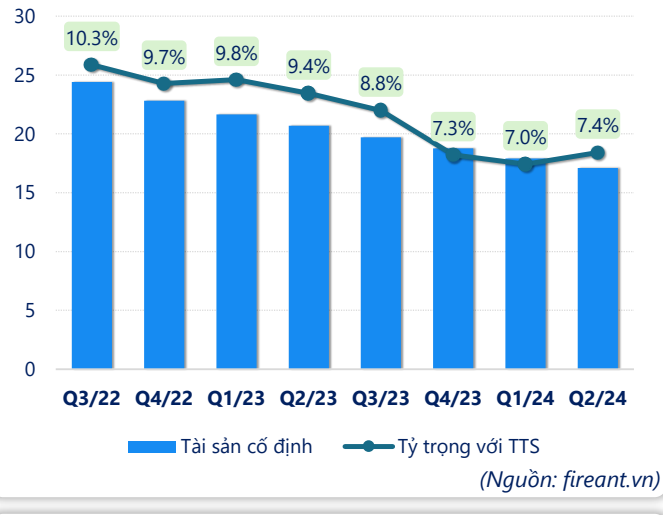
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



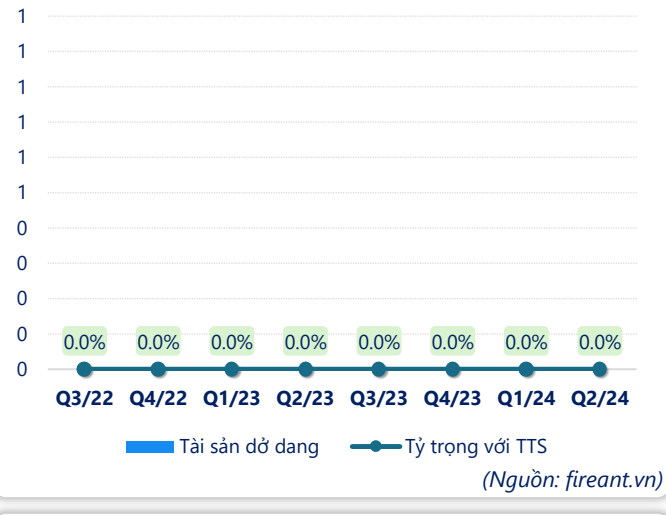
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



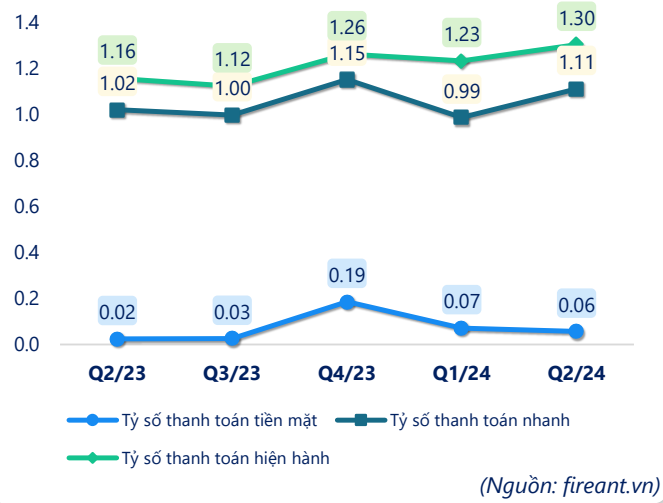
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



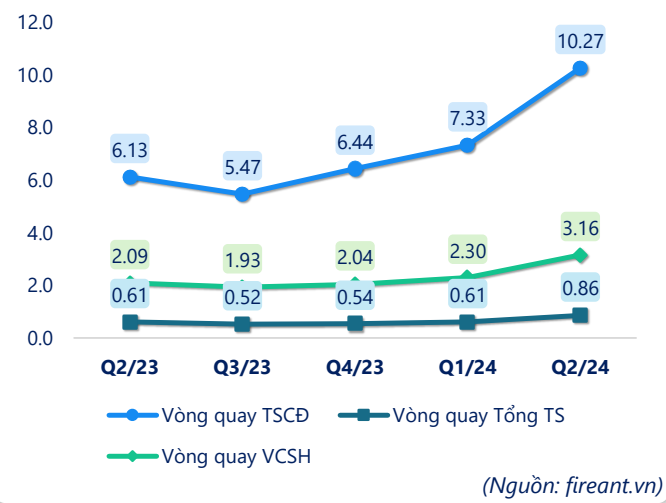
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**221**	**224**	**258**	**257**	**232**
Tài sản ngắn hạn	**173**	**177**	**238**	**238**	**214**
Tiền và tương đương tiền	3.64	4.01	35.0	13.8	9.24
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.6	10.7	10.7	10.7	6.53
Phải thu ngắn hạn	131	136	165	157	160
Hàng tồn kho	20.4	19.8	20.8	47.5	31.4
Tài sản ngắn hạn khác	7.12	6.59	5.98	9.10	6.37
Tài sản dài hạn	**48.0**	**46.9**	**20.0**	**19.0**	**18.4**
Phải thu dài hạn	25.7	25.7	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	20.7	19.7	18.8	17.9	17.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.56	1.49	1.22	1.08	1.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**155**	**164**	**199**	**203**	**175**
Nợ ngắn hạn	**149**	**158**	**188**	**193**	**164**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	52.3	47.6	43.1	46.1
Phải trả người bán ngắn hạn	14.7	13.8	10.4	5.24	7.70
Nợ dài hạn	5.73	6.48	10.5	9.79	10.9
Vay và nợ thuê dài hạn	5.73	6.43	10.4	9.74	10.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**65.6**	**59.8**	**59.0**	**54.2**	**57.2**
Vốn chủ sở hữu	**65.6**	**59.8**	**59.0**	**54.2**	**57.2**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)